

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN NGỮ VĂN 9

VĂN BẢN: PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

(Lê Anh Trà)

Đọc văn bản “Phong cách Hồ Chí Minh” (Sách giáo khoa trang 5, 6, 7) kết hợp giải nghĩa từ khó và thực hiện các yêu cầu bên dưới.

Câu 1. Nêu những hiểu biết của em về tác giả Lê Anh Trà.

.....
.....
.....

Câu 2. Nêu xuất xứ của tác phẩm “Phong cách Hồ Chí Minh”.

.....
.....
.....

Câu 3. Xác định kiểu văn bản và chia bố cục của văn bản.

.....
.....
.....

Câu 4. Quan sát phần 1 của văn bản **từ đầu đến “rất hiện đại”** và cho biết vốn tri thức văn hóa nhân loại của Hồ Chí Minh sâu rộng như thế nào? Vì sao người lại có vốn tri thức sâu rộng như vậy?

.....
.....
.....

Câu 5. Quan sát phần 2 của văn bản **từ “lần đầu tiên” đến “tâm hồn và thể xác”** và cho biết lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông của Bác Hồ được biểu hiện như thế nào?

.....
.....
.....

B. Hoạt động 2: Nội dung bài học

I. Đọc - hiểu chú thích

1. Tác giả: Lê Anh Trà

2. Tác phẩm

a. Xuất xứ

Trích trong bài “Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị” (1990).

b. Kiểu loại: Văn bản nhật dụng

c. PTBD: Nghị luận

d. Bố cục: 2 phần

II. Đọc – hiểu văn bản

1. Con đường hình thành phong cách văn hoá Hồ Chí Minh.

- “tiếp xúc văn hóa nhiều nước...”
- “nói, viết nhiều thứ tiếng, làm nhiều nghề”.
- “Có thể...HCM”.
- “tiếp thu mọi cái đẹp, cái hay; phê phán tiêu cực”.
- “Nhưng điều kỳ lạ...hiện đại”.

-> **Đãn chöùng toaøn dieän, nhaän xeùt tinh te,á saâu saéc**

-> **Kết hợp hài hòa giữa truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.**

- Nơi ở, làm việc đơn sơ
- Trang phục giản dị
- Ăn uống đạm bạc
- Không tự thần thánh hóa, không tự làm khác đời.

-> **Dẫn chứng chọn lọc, tiêu biểu, dẫn thơ kết hợp lời bình.**

-> **Sự kết hợp hài hòa giữa thanh cao và giản dị.**

III. Tổng kết

* Ghi nhớ (SGK/8)

IV. Luyện tập

Em hãy tìm đọc và kể lại một câu chuyện về lối sống giản dị mà cao đẹp của Bác.

C. Hoạt động 3: Kiểm tra, đánh giá

Đọc kỹ các câu hỏi sau và trả lời bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Vấn đề chủ yếu nêu trong văn bản Phong cách Hồ Chí Minh là gì?

- A. Tinh thần chiến đấu dũng cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B. Phong cách làm việc và nếp sống của Hồ Chí Minh.
- C. Tình cảm của người dân VN đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- D. Trí tuệ tuyệt vời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 2. Ý nào đúng nhất điểm cốt lõi trong phong cách Hồ Chí Minh?

- A. Biết kết hợp hài hòa bản sắc văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.
- B. Đời sống vật chất giản dị kết hợp với đời sống tinh thần phong phú.
- C. Có sự kế thừa vẻ đẹp trong cách sống của các vị hiền triết xưa
- D. Am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân trên thế giới.

Câu 3. Để làm nổi bật lối sống giản dị của Hồ Chí Minh, tác giả đã sử dụng phương

thức lập luận nào?

- A. Chứng minh
- B. Giải thích
- C. Bình luận
- D. Phân tích

Câu 4. Trong bài viết, tác giả cho rằng: “Nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác Hồ” là “1 quan niệm thẩm mỹ về cuộc sống”, theo em, cụm từ “quan niệm thẩm mỹ” là gì?

- A. Quan niệm về cuộc sống
- B. Quan niệm về nghề nghiệp
- C. Quan niệm về đạo đức
- D. Quan niệm về cái đẹp

.....

**Các phương châm hội thoại – SGK/8), Các phương châm hội thoại (tt) (SGK/21),
Các phương châm hội thoại (tt) (SGK/36)**

A. Hoạt động 1: Đọc tài liệu Sách giáo khoa và hoàn thành các phiếu bài tập sau:

*** PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

Đọc mẫu đối thoại (SGK/8) và cho biết khi An hỏi “học bơi ở đâu” mà Ba trả lời “ở dưới nước” thì câu trả lời có đáp ứng điều mà An muốn biết không? Cần trả lời như thế nào? Từ đó em rút ra bài học gì trong giao tiếp?

.....
.....
.....
.....

*** PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

1/ Đọc các truyện cười “Lợn cưới áo mới” (SGK/9) và trả lời câu hỏi: Vì sao truyện này lại gây cười? Từ đó em rút ra bài học gì trong giao tiếp?

.....
.....
.....

2/ Đọc truyện cười “Quả bí khổng lồ” và trả lời câu hỏi: Truyện cười này phê phán điều gì? Như vậy trong giao tiếp có điều gì cần tránh?

.....
.....
.....

*** PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

1. Em hiểu gì về thành ngữ “ông nói gà, bà nói vịt” ? Qua đó, em rút ra bài học gì trong giao tiếp?

.....

2. Giải nghĩa thành ngữ: dây cà ra dây muống, lúng búng như ngậm hột thị. Qua đó, em rút ra bài học gì trong giao tiếp?

.....

3. Đọc mẫu chuyện “Người ăn xin” (SGK/9) và rút ra bài học khi giao tiếp.

.....

*** PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

Đọc truyện cười “Chào hỏi” (SGK/36) và cho biết nhân vật chàng rể có tuân thủ đúng phương châm lịch sự không? Vì sao? Từ đó, em rút ra bài học gì trong giao tiếp?

(Theo *Truyện cười dân gian Việt Nam*)

.....

*** PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

Đọc các tình huống sau và cho biết phương châm hội thoại nào có thể không được tuân thủ? Nguyên nhân nào dẫn đến sự không tuân thủ đó?

a/ An: Cậu có chiếc máy bay lần đầu tiên được chế tạo vào năm nào không?

Ba: - Đâu khoảng **đầu thế kỉ XX**

b/ Khi bác sĩ nói với một người mắc bệnh nan y về tình trạng sức khỏe của họ

c/ “Tiền bạc chỉ là tiền bạc”

.....

B. Hoạt động 2: Nội dung bài học

I. Phương châm về lượng

* Ví dụ 1 (SGK/8)

“Cậu học bơi ở đâu?

.....ở dưới nước”

* Ví dụ 2 (SGK/9)

-> thừa “lợn cưới”, “từ lúc tôi mặc cái áo mới này...”

-> **Nói có nội dung, không thiếu, không thừa.**

* **Ghi nhớ (SGK/10)**

II. Phương châm về chất

* Ví dụ 1(SGK/9,10)

- “một quả bí to bằng cả cái nhà”

- “một cái nồi đồng to bằng cái đình làng”

-> **Tránh nói sai sự thật, không có bằng chứng xác thực.**

* **Ghi nhớ (SGK10)**

III. Phương châm quan hệ

* Vd (SGK/21)

- “Ông nói gà, bà nói vịt”

-> Nói không khớp nhau, không hiểu nhau

-> **Tránh nói lạc đề.**

* **Ghi nhớ (SGK/21)**

IV. Phương châm cách thức

* Vd1 (SGK/21)

- “Dây cà ra dây muống”

-> Nói dài dòng.

- “Lúng búng như ngậm hột thị”

-> Nói ấp úng, không rõ ràng.

=> **Cần nói ngắn gọn, rành mạch.**

* Vd2 (SGK/22)

“Tôi đồng ý....ông ấy”.

-> 2 cách hiểu

=> **Tránh cách nói mơ hồ.**

* **Ghi nhớ (SGK/22)**

V. Phương châm lịch sự

* Vd (SGK/22)

Mẫu chuyện “Người ăn xin”

-> **Cần tế nhị, tôn trọng người khác.**

* **Ghi nhớ (SGK/ 23)**

VI. Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp

Ví dụ (SGK/36)

- “Bác làm việc vất vả lắm phải không?”

→ Không tuân thủ phương châm lịch sự

=> Cần nắm đặc điểm của tình huống giao tiếp.

* Ghi nhớ (SGK/36)

VII. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại

* Ví dụ 1 (SGK/37)

- “Rồi có nuôi được không?”

→ Không tuân thủ phương châm về lượng.

=> Vô ý vụng về, thiếu văn hóa giao tiếp.

* Ví dụ 2 (SGK/37)

- “Đâu khoảng đầu thế kỉ...”

→ Vi phạm phương châm về lượng.

=> Ưu tiên cho phương châm về chất.

- Bác sĩ nói không nói sự thật về tình trạng sức khỏe của bệnh nhân mắc bệnh nan y

→ Vi phạm phương châm về chất.

=> Ưu tiên cho yêu cầu khác quan trọng hơn.

- “Tiền bạc chỉ là tiền bạc”

→ Không tuân thủ phương châm về lượng.

=> Hiểu theo hàm ý

* Ghi nhớ (SGK/37)

III. Luyện tập

1. Vận dụng phương châm về lượng để phân tích lỗi trong những câu sau:

a/ Trâu là một loài gia súc nuôi ở nhà.

b/ Én là một loài chim có hai cánh.

.....

2. Giải thích nghĩa của các thành ngữ sau và cho biết những thành ngữ này liên quan đến phương châm hội thoại nào? ăn đơm nói đặt, ăn ốc nói mò, cãi chày cãi cối, hứa hươu hứa vượn, nửa úp nửa mở, đánh trống lảng

.....

C. Hoạt động 3: Kiểm tra, đánh giá

Viết một đoạn hội thoại ngắn (6-8 dòng) có sử dụng một trong năm phương châm hội thoại đã học.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Văn bản: ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH (SGK/17)

A. Hoạt động 1: Đọc tài liệu Sách giáo khoa và hoàn thành phiếu bài tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP

Đọc văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” SGK/17 và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Câu 1: Chiến tranh hạt nhân mang gây ra hậu quả gì đối với sự sống trên trái đất?

.....

.....

Câu 2: Liệt kê những chứng cứ, số liệu cho thấy sự tổn kém và phi lí của chiến tranh hạt nhân.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, Internet,...), em hãy cho biết nhân loại đã tìm ra cách nào để hạn chế chiến tranh hạt nhân, chạy đua vũ trang?

.....

.....

.....

.....

B. Hoạt động 2: Nội dung bài học

I. Đọc hiểu chú thích

1. Tác giả: G.G. Mác-két

2. Tác phẩm

a. Xuất xứ: Trích từ tham luận tại hội nghị nguyên thủ quốc gia 6 nước bàn về việc chống chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hòa bình thế giới .

b. Kiểu văn bản: Văn bản nhật dụng

c. Phương thức biểu đạt: Nghị luận

d. Bố cục: 3 phần

II. Đọc hiểu văn bản

1. Chiến tranh hạt nhân đe dọa sự sống trên trái đất

- Mở đầu: “Chúng ta đang ở đâu?” -> Cách mở đầu dưới dạng một câu hỏi tự trả lời -> Gây ấn tượng với người đọc.

- Tình hình thực tế: 50.000 đầu đạn hạt nhân, mỗi người ngồi trên 4 tấn thuốc nổ.

- Giả thiết: hủy diệt toàn bộ sự sống trên trái đất và các hành tinh.

-> So sánh, điệp ngữ, chứng cứ xác thực, lập luận chặt chẽ.

-> **Nguy cơ khủng khiếp và nghiêm trọng của chiến tranh hạt nhân.**

1. Sự tốn kém và phi lí trong cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân

a. Sự tốn kém

- Cứu trợ: 500 triệu trẻ em – 100 tỉ đô la >< 100 máy bay ném bom, 7000 tên lửa

- Y tế: phòng bệnh 14 năm, bảo vệ 1 tỉ người khỏi bệnh sốt rét, cứu 14 triệu trẻ em >< 10 tàu sân bay

- Thực phẩm: cứu 575 triệu người suy dinh dưỡng >< 149 tên lửa MX

- Giáo dục: xóa nạn mù chữ cho thế giới >< 2 tàu ngầm hạt nhân

-> **Liệt kê, chứng cứ xác thực, số liệu so sánh cụ thể, nghệ thuật tương phản,...**

a. Sự phi lí

- Chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí con người và lí trí tự nhiên.

- Phá hủy nền văn minh hàng triệu năm của nhân loại.

- Phản lại sự tiến hóa, đưa Trái Đất về vạch xuất phát.

- Hủy hoại hạnh phúc gây ra bao đau khổ cho loại người.

-> **Chi phí cho chiến tranh hạt nhân tốn kém, phi lí, làm mất khả năng được sống tốt đẹp hơn của con người.**

1. Nhiệm vụ đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân

- Đề nghị mở nhà băng lưu trữ trí nhớ để đời sau biết thế giới đã tồn tại.

- Lên án thế lực hiếu chiến, phản đối, ngăn chặn chạy đua vũ trang, tàng trữ hạt nhân.

- Đấu tranh cho thế giới hòa bình, công bằng

III. Tổng kết

Ghi nhớ SGK/21

C. Hoạt động 3: Kiểm tra, đánh giá

Đọc kỹ các câu hỏi sau và trả lời bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu tiên của câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” có nội dung gì?

- A. Nói về nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe dọa tới sự sống của nhân loại.
- B. Sự tốn kém của cuộc chạy đua vũ trang cướp đi sự phát triển của nhân loại.
- C. Biện pháp ngăn chặn, xóa bỏ nguy cơ chiến tranh hạt nhân.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 2: Nội dung nào không được đặt ra trong văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”?

- A. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa toàn bộ sự sống trên trái đất.
- B. Nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại để ngăn chặn nguy cơ đó.
- C. Cần kích thích khoa học kỹ thuật phát triển nhưng không phải bằng con đường chạy đua vũ trang.
- D. Cần chạy đua vũ trang để chống lại chiến tranh hạt nhân.

Câu 3: Cách lập luận nào của tác giả Mác-két khiến người đọc hiểu rõ nguy cơ khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân?

- A. Xác định thời gian cụ thể.
- B. Đưa ra số liệu đầu đạn hạt nhân.
- C. Đưa những tính toán lí thuyết.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

.....

VĂN BẢN: TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM

A. Hoạt động 1: Đọc tài liệu Sách giáo khoa và thực hiện các yêu cầu

Câu 1: Văn bản này được chia thành mấy phần? Nêu nội dung của từng phần.

.....

Câu 2: Trong Hội nghị cấp cao thế giới về quyền trẻ em đã khẳng định trẻ em có những quyền gì ?

.....

.....

.....

.....

Câu 4: Ở phần “Sự thách thức”, bản Tuyên bố đã nêu lên thực tế cuộc sống của trẻ em trên thế giới ra sao?

.....

.....

.....

.....

Câu 5: Qua phần “Cơ hội”, em thấy việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong bối cảnh thế giới hiện nay có điều kiện gì thuận lợi?

.....

.....

.....

Câu 6: Qua phần “Nhiệm vụ”, em hãy nêu lên những điểm mà từng quốc gia và cộng đồng quốc tế cần phải nỗ lực phối hợp hành động vì quyền trẻ em.

.....

.....

.....

.....

B. Hoạt động 2: Nội dung bài học

I. Đọc – hiểu chú thích

1. Xuất xứ

- Trích "Tuyên bố của hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em" họp tại trụ sở Liên hợp quốc tại Niu-Oóc ngày 30/9/1990.

2. Kiểu văn bản: nhật dụng

3. PTBĐ: nghị luận

4. Bố cục: 4 phần

II. Đọc – hiểu văn bản

1. Nhận thức của cộng đồng quốc tế của trẻ em và quyền sống của chúng.

a. Lời kêu gọi chung

- “Hãy đảm bảo cho tất cả trẻ em một tương lai tốt đẹp hơn”.

→ Xác định đối tượng là tất cả trẻ em trên thế giới. Lời kêu gọi khẩn thiết.

b. Nhận thức cụ thể đối với trẻ em.

- Trẻ em trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc, hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng.

- Phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển.

.....

➔ **Diệp từ: Nhấn mạnh quyền tất yếu và tối thiểu của trẻ em.**

2. Sự thách thức

- Chiến tranh và bạo lực, phân biệt chủng tộc, xâm lược, chiếm đóng.

- Đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, vô gia cư....

- Suy dinh dưỡng, bệnh tật,

➔ **Trẻ em trên toàn thế giới phải chịu những thảm họa, bất hạnh về nhiều mặt.**

3. Cơ hội để cộng đồng quốc tế thực hiện lời tuyên bố vì trẻ em.

- Sự liên kết giữa các quốc gia.

- Công ước về Quyền trẻ em.

.....

➔ **Những cơ hội lớn nhằm cải thiện tình hình, bảo đảm quyền trẻ em.**

4. Nhiệm vụ

- Tăng cường sức khỏe, chế độ dinh dưỡng.

- Quan tâm trẻ em tàn tật, hoàn cảnh khó khăn.

- Tăng cường vai trò phụ nữ, bình đẳng giới.

- Xoá nạn mù chữ ở trẻ em.

.....

➔ **Nhiệm vụ toàn diện, cụ thể, sát thực tế để mang lại cuộc sống tốt đẹp nhất cho trẻ em.**

C. Hoạt động 3: Kiểm tra, đánh giá

Câu 1: Các nhiệm vụ đưa ra trong bản tuyên bố được xác định trên những cơ sở nào?

A. Những thuận lợi đối với nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em hiện nay.

B. Tình trạng thực tế của trẻ em trên thế giới hiện nay.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 2: Để thực hiện được nhiệm vụ, bản tuyên bố đề cách thức hoạt động như thế nào?

A. Các nước phát triển sẽ chi viện tài chính cho các nước chưa phát triển để xóa đói giảm nghèo.

B. Tất cả các nước phải nỗ lực liên tục và có sự phối hợp với nhau trong hoạt động của từng nước cũng như trong hợp tác quốc tế.

C. Tự bản thân mỗi quốc gia sẽ đề ra cách thức hoạt động của mình để bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

D. Các nước phát triển cần cắt giảm bớt chi phí cho lĩnh vực quân sự, xóa bỏ nạn phân biệt chủng tộc.

.....

VĂN BẢN: ĐỘNG PHONG NHA

Hoạt động 1: HS đọc văn bản (<https://phongnhaexplorer.com/phong-nha/dong-phong-nha-4.html>)

Hoạt động 2: Hoàn thành phiếu học tập sau:

1. Giải thích nghĩa của cụm từ “Đệ Nhất kì quan động”.

.....

2. Đọc xong văn bản, điều gì làm em nhớ nhất? Vì sao?

.....

3. Đọc kỹ phần mở đầu “Từ đầu đến du lịch Quảng Bình” và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Giải thích từ “danh thắng” trong câu văn mở đầu.

.....

b. Động Phong Nha có mấy tiêu chí được xếp thứ “nhất”? . Việc đưa các tiêu chí này ở phần mở đầu có tác dụng gì?

.....

4. Đọc phần thứ hai (Tiếp theo đến hết bức ảnh với chú thích “Hình ảnh mái tóc tiên” và thực hiện các yêu cầu sau:

.....

a/ Chỉ ra trình tự giới thiệu về động Phong Nha

.....

.....
.....

b/ Có bao nhiêu địa điểm nổi tiếng ở quần thể động Phong Nha được giới thiệu trong văn bản?

.....
.....
.....

HẾT